

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CỬ CHI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 470/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 10-5-2021.

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Túy Phương

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Phước Trinh

2. Bà Phạm Thị Ngọc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 1118/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Trúc L, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 8, ấp An Đức, xã A T, huyện TB, tỉnh TN. (Có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh N, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 1407/01, đường quốc lộ 22, ấp MĐ, xã PT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ghi ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị Trúc L trình bày như sau:

Bà và ông Nguyễn Thanh N tự nguyện tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào năm 2015, tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyền số 01/2015 ngày 25/5/2015. Thời gian đầu chung sống hai vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên không lâu sau vào năm 2016

hai vợ chồng xảy ra cãi vã nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để sinh sống. Hai vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Do mục đích hôn nhân không đạt, không hạnh phúc nên bà vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông N.

Về con chung: Bà xin trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trúc Phượng, sinh ngày 27/01/2016 và bà tạm thời không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N đã được Toà án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ 02 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy, Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Căn cứ đơn xin ly hôn ghi ngày 08 tháng 9 năm 2020, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết là tranh chấp ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh N có nơi cư trú tại Số 1407/01, đường quốc lộ 22, ấp MĐ, xã PT, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Nguyên đơn bà Phạm Thị Trúc L có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tòa án đã tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, tiến hành triệu tập họp lệ lần thứ hai mà bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà L:

Bà L và ông N tự nguyện đăng ký kết hôn vào 2015, tại Ủy ban nhân dân xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi theo giấy chứng nhận kết hôn số 57, Quyền số 01/2015 ngày 25/5/2015, nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét mâu thuẫn phát sinh: Bà L trình bày vào năm 2016, hai vợ chồng bà xảy ra cãi vã nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm sống. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột ở huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh để sinh sống. Hai vợ chồng bà đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự hàn gắn tình cảm, đồng thời giải quyết các mâu thuẫn phát sinh. Tuy nhiên, bị đơn ông N vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến của ông đối với vụ kiện. Qua đó đã thể hiện ông N không có nguyện vọng đoàn tụ và hàn gắn quan

hệ vợ chồng. Đồng thời, bà L xác định bà và ông N đã sống ly thân từ năm 2016. Xét thấy, bà L và ông N không còn tạo điều kiện cho nhau để thực hiện quyền, nghĩa vụ vợ chồng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn kéo dài, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại. Do vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở.

[3]. Về con chung: Bà L và ông N có 01 con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 27/01/2016, hiện con chung đang sống cùng bà L, bà L xin trực tiếp nuôi con chung và không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung. Do ông N vắng mặt nên không thể hiện ý kiến của ông N đối với con chung. Nhằm tạo điều kiện để cháu P phát triển bình thường cũng như đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của cháu P, Hội đồng xét xử xét căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Phụng cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà L tự nguyện không yêu cầu ông N cấp dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của bà L. Tuy nhiên, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

[5]. Về tài sản chung: Bà L xác định không có. Về nợ chung: Bà L xác định không có. Bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

Bị đơn ông N vắng mặt tại phiên tòa, nếu có tranh chấp về con chung, tài sản chung và nợ chung sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

[6]. Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật phí và lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định là phù hợp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117, 118, 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

1. Về quan hệ hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Trúc L và ông Nguyễn Thanh N.

2. Về con chung:

Giao bà L được trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Thị Trúc P, sinh ngày 27/01/2016. Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 và khoản 2 Điều 119 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng con chung.

Ông N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

3. Về tài sản chung: Bà L xác định không có. Về nợ chung: Bà L xác định không có.

Do ông N vắng mặt, nếu ông N có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ kiện khác.

4. Về án phí:

- Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) bà L phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0084776 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi. Bà L đã nộp đủ tiền án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- UBND xã Phước Thạnh, huyện Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Túy Phượng**